

Bản án số: **162/2021/DS-PT**

Ngày: 12/11/2021

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Quốc

*Các Thẩm phán:* 1/- Bà Trương Thị Liên.

2/- Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Khương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 334/2021/QĐPT-DS ngày 28/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M.** sinh năm: 1951. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền: ông Nguyễn Minh Hg. sinh năm: 1974. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (*văn bản ủy quyền ngày 25/8/2014*) và ông Trần Chấn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: khu vực B, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019*).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T.** sinh năm: 1960. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền: ông Nguyễn Thái T1. sinh năm: 1982. Địa chỉ: A đường Đ, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Hồng N.** sinh năm: 1958. Ngụ cùng địa chỉ bị đơn.

- Bà **Nguyễn Thị M.** sinh năm: 1950. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Văn Đ.** sinh năm: 1958. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bà M, ông Đ ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Trần Chấn H (*văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019*).

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc A.** sinh năm: 1943. Địa chỉ: khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị N1**. sinh năm: 1962. Địa chỉ: đường Đ, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị S**. sinh năm: 1963. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Chị **Nguyễn Thị Hồng L**. sinh năm: 1981. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Anh **Nguyễn Ngọc H**. sinh năm: 1983. Địa chỉ: khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M; bị đơn ông Nguyễn Văn T và những người có liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M thông qua người đại diện trình bày:*

Cha mẹ của các đương sự là cụ ông Nguyễn Văn C và cụ bà Lê Thị Q có 07 người con gồm: Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị S. Năm 1996 cụ C chết, phần tài sản của cụ C đã được chia thừa kế bằng một bản án có hiệu lực pháp luật.

Năm 2008 cụ Q chết, di sản để lại là 7.649m<sup>2</sup> (thửa 132) tọa lạc tại khu vực X, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ chưa chia, do ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy CNQSDĐ và đang sử dụng. Đồng thời con ông T là Nguyễn Thị Hồng L và Nguyễn Ngọc H tuy có đất riêng tại thửa 133, nhưng không xây nhà mà xây nhà trên thửa 132. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Q theo pháp luật thừa đất 132, diện tích 7.649m<sup>2</sup>.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, vì phần đất này Nhà nước đã cấp quyền sử dụng hợp pháp cho ông đứng tên, không còn là di sản thừa kế nữa. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia thừa kế.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ: yêu cầu chia thừa kế phần di sản của mẹ để lại là thửa đất 132, diện tích 7.649m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng L, anh Nguyễn Ngọc H: xác định đất này không phải là di sản thừa kế, mà là tài sản thuộc quyền của cha các anh chị là ông T. Anh chị được cha cho đất, đã cất nhà ở ổn định trên thửa 132 và đã được nhà nước cấp giấy CNQSDĐ hợp pháp. Do đó không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và những người liên quan đòi chia thừa kế.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S: có văn bản từ chối nhận di sản và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 đã tuyên:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và người liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M về việc chia thừa kế.*

*Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 132 (cũ) nay là thửa 242, tờ bản đồ số 20, diện tích 7649m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu vực X, phường T, quận C, thành phố*

*Cần Thơ trong giấy chứng nhận QSD đất số 00163 ngày 05/9/1998 tên ông Nguyễn Văn T được chia như sau:*

*- Ông M 1.067,3m<sup>2</sup>; ông Đ 1.172,1m<sup>2</sup> (bao gồm diện tích nhà theo bản án số 284/DSPT năm 2003); bà M 1.139,3m<sup>2</sup> (bao gồm diện tích căn nhà theo bản án số 284/DSPT năm 2003); Ông Nguyễn Văn T được nhận 4.269,2m<sup>2</sup>.*

*- Riêng cây trồng trên đất của ai nhận thì phải thôi giá trị cho ông Nguyễn Văn T tại giai đoạn thi hành án.*

*Vị trí phân chia theo lược đồ ngày 22/9/2020 của Hội đồng xét xử.*

*Các đương sự liên hệ cơ quan chức N để tách giấy chứng nhận theo quy định (kèm trích đo hiện trạng ngày 08/8/2017); Phần diện tích thừa so với giấy chứng nhận, ông T tự liên hệ chỉnh lý theo quy định.*

*Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.*

Ngày 30/9/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu phúc thẩm bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn và người liên quan về yêu cầu chia thừa kế; ngày 05/10/2020 bị đơn nộp bổ sung thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo đồng ý ổn định diện tích nhà ở của ông Đ và bà M.

Ngày 03/10/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và người liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu phúc thẩm chia di sản làm 04 phần, mỗi phần là 1.917,5m<sup>2</sup> mới công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Đại diện bị đơn ý kiến, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn đã tìm được và cung cấp cho Tòa án chứng cứ mới là “*Đơn tặng cho đất ngày 22/6/2004*” thể hiện toàn bộ diện tích đất sau khi chia thừa kế theo bản án phúc thẩm năm 2003, thì cụ Q, bà A, S, N đã tặng cho hết cho ông T. Văn bản này được địa phương xác nhận và chứng thực sao y tại Phòng Tư pháp quận Cái Răng ngày 23/6/2004. Như vậy di sản của cụ Q không còn, đề nghị phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của ông M, ông Đ, bà M. Đồng thời bị đơn xác định vẫn giữ ý kiến là cho thêm một phần diện tích đất trước nhà của ông Đ, bà M để làm sân và lối đi ra đường lộ công cộng. Đại diện nguyên đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để giám định tài liệu chứng cứ mới do phía bị đơn cung cấp.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: do có chứng cứ mới thể hiện toàn bộ diện tích đất của cụ Q, bà A, S, N được hưởng thừa kế tại bản án phúc thẩm số 284/DSPT ngày 26/9/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ, đã được những người này tặng cho hết cho ông T theo “*Đơn tặng cho đất ngày 22/6/2004*” có xác nhận của UBND địa phương và chứng thực sao y của Phòng Tư pháp quận Cái Răng ngày 23/6/2004, đây là chứng cứ hợp pháp. Vì vậy di sản thừa kế của cụ Q không còn, phần đất mà ông M, ông Đ, bà M yêu cầu chia thừa kế là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Kháng cáo của bị đơn có căn cứ, của ông M, ông Đ, bà M không có căn cứ. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện đòi chia thừa kế của ông M, ông Đ, bà M. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cho thêm một phần diện tích đất trước nhà của ông Đ, bà M để làm sân và lối đi ra đường lộ công cộng.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của mẹ để lại là thửa đất 132, diện tích 7.649m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00163 ngày 05/8/1998 do ông Nguyễn Văn T đứng tên. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Các đương sự vắng mặt đều có đơn, nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành theo quy định.

**\* Về nội dung:** Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ đều có kháng cáo. Xét thấy:

[2] Nguyên đơn cho rằng thửa đất 132, diện tích 7.649m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00163 ngày 05/8/1998 do ông Nguyễn Văn T đứng tên là di sản của mẹ ông là cụ bà Lê Thị Q chết để lại chưa chia, được xác định bằng bản án dân sự phúc thẩm số 284/DSPT ngày 26/9/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ, nên ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Xét rằng:

[2.1] Theo Công văn số 159/CV-UBND ngày 19/6/2019 của UBND phường Hưng Thạnh xác định: “*Phần đất ông Nguyễn Văn T được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00163 ngày 05/7/1998. Đất tọa lạc tại xã T (cũ) nay là phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Phần đất này thời điểm thành lập tập đoàn sản xuất nông nghiệp thì phần đất này có đưa vào tập đoàn...*”. Tại Công văn số 1202/UBND ngày 05/7/2019 của UBND quận Cái Răng thể hiện: “*Căn cứ theo hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận cung cấp thể hiện Nguyễn Văn T đứng tên chủ sử dụng các thửa đất số 132 (diện tích 6.068m<sup>2</sup> loại đất Q), thửa đất số 133 (diện tích 1.097m<sup>2</sup> loại đất LNK), thửa đất số 138 (diện tích 3.554m<sup>2</sup> loại đất 2L); thuộc tờ bản đồ số 1, địa chỉ đất tại xã T, thành phố Cần Thơ (cũ), (Đính kèm sổ mục kê ...)*”.

[2.2] Như vậy thửa đất 132 nói trên mặc dù có nguồn gốc của cha mẹ, nhưng thời điểm thành lập tập đoàn thì toàn bộ đất này đã được đưa vào tập đoàn quản lý. Khi tập đoàn giải thể, đất được trả lại cho chủ cũ; thời điểm đó cha mẹ các đương sự vẫn còn sống nhưng đã đồng ý để cho ông T đăng ký đứng tên sổ mục kê và cũng đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ từ năm 1995. Tại tiểu mục 2.4 mục 2 Phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì đất này không phải là di sản thừa kế. Lẽ ra cấp sơ thẩm phải xác định phần đất còn lại của cụ Q theo bản án phúc thẩm không phải là di sản thừa kế mới phù hợp. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để giám định dấu vân tay cụ Q trong “*Đơn tặng cho đất ngày 22/6/2004*” là không cần thiết. Đây chỉ là một trong các tài liệu, chứng cứ có giá trị tham khảo để càng làm rõ thêm phần đất này không phải là di sản thừa kế.

[3] Tuy nhiên, cũng cần phân tích thêm để làm rõ bản chất vụ việc. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn có cung cấp văn bản “*Đơn tặng cho đất ngày 22/6/2004*” với nội dung cụ Q, bà A, bà N và bà S “... *quyết định cho*

*đứt những phần đất của chúng tôi mà Nguyễn Văn T đang tạm sử dụng, không khiếu nại gì về sau".* Văn bản tặng cho này được Trường khu vực 5; UBND phường Hưng Thạnh xác nhận và Phòng Tư pháp quận Cái Răng chứng thực sao y cùng ngày 23/6/2004. Do đó văn bản, tài liệu này được xác định là chứng cứ hợp pháp, được công nhận theo quy định tại các Điều 92, 93, 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Như vậy, sau khi đã có bản án dân sự phúc thẩm số 284/DSPT ngày 26/9/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ, thì ngày 22/6/2004 cụ Q, bà A, bà N và bà S đều ký văn bản tặng cho ông T toàn bộ phần đất mà họ được chia theo bản án, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đồng thời, toàn bộ diện tích đất này ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đó nên giao dịch tặng cho đã phát sinh hiệu lực. Cụ Q không còn tài sản, nên khi cụ Q chết cũng không có di sản để lại thừa kế. Do đó ông M, ông Đ, bà M yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Q để lại là không có căn cứ.

[5] Đối với diện tích nhà đang ở của ông Đ  $104,8m^2$ , nhà bà M  $72,9m^2$  (theo Mảnh trích đo địa chính số 227 ngày 08/8/2017 của Chi nhánh VPĐKĐĐ quận Cái Răng) nằm trong diện tích đất mà ông Đ, bà M đã được chia theo bản án trước đây, đã được cấp sơ thẩm trừ lại trong diện tích đất chia thừa kế lần này. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm lần 1 ngày 25/3/2021 qua động viên của Hội đồng xét xử, bị đơn đồng ý cho thêm một phần diện tích phía trước nhà của ông Đ, bà M để làm sân và lối đi ra lộ. Do vậy phiên tòa tạm hoãn để tiến hành đo đạc xác định diện tích cụ thể. Kết quả theo Bản trích đo địa chính số 44/TTKTTNMT ngày 10/11/2021 của Trung tâm KTTNMT thành phố Cần Thơ thì phần diện tích cho thêm trước nhà bà M là  $34,9m^2 + 72,9m^2$  (nhà) =  $107,8m^2$  (vị trí A); của ông Đ là  $96,7m^2 + 104,8m^2$  (nhà) =  $201,5m^2$  (vị trí B). Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên ghi nhận. Trên cơ sở này các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để chỉnh lý lại quyền sử dụng đất theo quy định.

Kháng cáo của bị đơn có căn cứ được chấp nhận, kháng cáo của ông M, ông Đ, bà M không có căn cứ không được chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông M, ông Đ, bà M như đề nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm là phù hợp. Đây là tình tiết mới xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm, nên việc sửa án là khách quan không phải lỗi của cấp sơ thẩm.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận; của ông T, ông Đ, bà M không được chấp nhận, nhưng do các đương sự đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: tại giai đoạn sơ thẩm là 6.456.000đ; phần này ông M, ông Đ, bà M phải chịu mỗi người là 2.152.000đ; ông M đã nộp tạm ứng nên ông Đ, bà M phải nộp trả lại ông M.

Tại giai đoạn phúc thẩm là 7.918.000đ; phần này bị đơn yêu cầu nên phải chịu; bị đơn đã nộp tạm ứng và chi xong.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ:* Khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ; Sửa bản án sơ thẩm.

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Lê Thị Q.

2/- Công nhận sự tự nguyện của bị đơn cho thêm một phần diện tích đất trước nhà để làm sân và lối đi theo Bản trích đo địa chính số 44/TTKTTNMT ngày 10/11/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ (*kèm theo bản án*), đối với:

- Bà Nguyễn Thị M:  $34,9m^2 + 72,9m^2$  (nhà) =  $107,8m^2$  (vị trí A).
- Ông Nguyễn Văn Đ:  $96,7m^2 + 104,8m^2$  (nhà) =  $201,5m^2$  (vị trí B).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để chỉnh lý lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3/- Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: ông M, ông Đ, bà M và ông T được miễn, không phải chịu. Nên ông M được nhận lại 2.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số 005623 ngày 23/5/2011; ông T được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 006375 ngày 30/9/2020.

4/- Về chi phí thẩm định, định giá tổng cộng 14.374.000đ; ông M, ông Đ, bà M mỗi người phải chịu 2.152.000đ, ông T chịu 7.918.000đ; đã chi xong. Ông Đ, bà M nộp trả lại ông M mỗi người 2.152.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.Cái Răng.
- Chi cục THADS.Cái Răng.
- Lưu (HS - 2b).

(đã ký)

**Trần Tuấn Quốc**